

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH KHÁNH HÒA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 06 /2013/QĐ-UBND

Khánh Hòa, ngày 19 tháng 3 năm 2013

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành danh mục, định lượng, quy mô hỗ trợ giống cây trồng,
vật nuôi thực hiện Nghị quyết số 24/2012/NQ-HĐND
ngày 04/12/2012 của Hội đồng nhân dân tỉnh**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KHÁNH HÒA

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân ngày 03 tháng 12 năm 2004;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 16 tháng 12 năm 2002;

Căn cứ Nghị định số 60/2003/NĐ-CP ngày 06 tháng 6 năm 2003 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Ngân sách;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 26/2011/TTLT-BNNPTNT-BKHĐT-BTC ngày 13 tháng 4 năm 2011 của liên bộ: Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính hướng dẫn một số nội dung thực hiện Quyết định số 800/QĐ-TTg ngày 04 tháng 6 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010-2020;

Căn cứ Nghị quyết số 24/2012/NQ-HĐND ngày 04 tháng 12 năm 2012 của Hội đồng nhân dân tỉnh Khánh Hòa về Chính sách hỗ trợ phát triển sản xuất nông nghiệp thực hiện Chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa giai đoạn 2013-2015;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 392/TTr-SNN ngày 28 tháng 02 năm 2013,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành danh mục, định lượng, quy mô hỗ trợ giống cây trồng, vật nuôi thực hiện Nghị quyết số 24/2012/NQ-HĐND ngày 04/12/2012 của Hội đồng nhân dân tỉnh “Về Chính sách hỗ trợ phát triển sản xuất nông nghiệp thực hiện Chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Hòa giai đoạn 2013 - 2015” như sau:

1. Danh mục và định lượng giống cây trồng:

STT	Giống cây	Đơn vị tính	Định lượng thanh toán
01	Lúa thuần	Kg/ha	150
02	Lúa lai	Kg/ha	50
03	Bắp thuần	Kg/ha	20
04	Bắp lai	Kg/ha	15
05	Mỳ (sắn)	Hom/ha	12.000
06	Mía	Hom/ha	30.000
07	Đậu các loại		Theo quy trình kỹ thuật
08	Rau các loại		Theo quy trình kỹ thuật
09	Nấm các loại		Theo quy trình kỹ thuật
10	Xoài	Cây/ha	300
11	Bưởi	Cây/ha	300
12	Cam	Cây/ha	400
13	Chanh	Cây/ha	400
14	Quít	Cây/ha	400
15	Mít	Cây/ha	250
16	Chôm chôm	Cây/ha	250
17	Chuối	Cây/ha	2.000
18	Đu đủ	Cây/ha	1.500
19	Dừa	Cây/ha	300
20	Mãng cầu ta	Cây/ha	400
21	Mãng cầu tây	Cây/ha	200
22	Mãng cụt	Cây/ha	150
23	Nhãn	Cây/ha	300
24	Nho	Cây/ha	2.000
25	Ôi	Cây/ha	1.000
26	Sabôchê	Cây/ha	300
27	Sầu riêng	Cây/ha	200
28	Táo	Cây/ha	600
29	Thanh Long	Cây/ha	1.100
30	Vú sữa	Cây/ha	200
31	Bơ	Cây/ha	200
32	Mận	Cây/ha	900
33	Cà phê,	Cây/ha	1.500
34	Ca cao	Cây/ha	1.000
35	Hồ tiêu	Cây/ha	2.000
36	Điều (đào lộn hột)	Cây/ha	250

2. Danh mục giống vật nuôi:

- a) Gia súc gồm: trâu, bò, dê, cừu, heo;
- b) Gia cầm gồm: gà, vịt, ngan, ngỗng, chim cút, chim bồ câu;
- c) Động vật hoang dã được phép nuôi: đông, nhím, hươu, nai, chim yến, ong, dế, giun (trùn quế).

3. Danh mục giống thủy sản:

- a) Nuôi nước ngọt: cá trắm cỏ, cá trê lai, cá rô phi, cá chình.
- b) Nuôi nước mặn: tôm sú, tôm chân trắng, cá chim vây vàng, cá chẽm, cá hồng, cá mú.
- c) Định lượng thanh toán theo quy trình kỹ thuật.

Điều 2. Mức, quy mô và nguyên tắc hỗ trợ

1. Mức hỗ trợ:

- a) Đối với các xã miền núi: Hỗ trợ 70% giá giống cây trồng, vật nuôi;
- b) Đối với đồng bằng: Hỗ trợ 50% giá giống cây trồng, vật nuôi.

2. Quy mô hỗ trợ tối đa:

Hỗ trợ không quá 10 triệu đồng/hộ, 15 triệu đồng/chủ trang trại, 50 triệu đồng/tổ chức (Hợp tác xã, Tổ hợp tác, doanh nghiệp nhỏ và vừa).

3. Nguyên tắc hỗ trợ:

- a) Mỗi đối tượng được hỗ trợ một lần với một loại giống cây trồng, vật nuôi trong cả giai đoạn thực hiện chính sách.
- b) Trong trường hợp có các văn bản khác nhau của cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành các chính sách hỗ trợ như quy định tại Quyết định này, thì đối tượng nhận hỗ trợ chỉ được hưởng một mức hỗ trợ cao nhất.

Điều 3. Kinh phí và phân bổ kinh phí hỗ trợ:

1. Kinh phí hỗ trợ từ nguồn ngân sách tỉnh được Hội đồng nhân dân tỉnh giao tại Nghị quyết số 24/2012/NQ-HĐND ngày 04/12/2012; ngân sách trung ương giao hàng năm để thực hiện dự án hỗ trợ phát triển sản xuất chương trình xây dựng nông thôn mới.

2. Phân bổ kinh phí hỗ trợ:

- a) Ủy ban nhân dân các xã căn cứ vào định hướng phát triển kinh tế nông - lâm - thủy sản và nhu cầu của người dân địa phương, lựa chọn cây trồng, vật nuôi quy định tại Điều 1 Quyết định này để xây dựng kế hoạch hỗ trợ hàng năm trình Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố phê duyệt.



b) Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố tổng hợp kế hoạch của các xã thẩm định phê duyệt và báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh qua Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

c) Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tổng hợp kế hoạch hỗ trợ giống của Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố gửi Sở Tài chính thẩm định trình Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định phân bổ kinh phí cho ngân sách cấp huyện. Trên cơ sở đó, Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố phân bổ kinh phí cho các xã thực hiện.

d) Việc quản lý, sử dụng; trình tự, thủ tục thanh quyết toán kinh phí hỗ trợ giống cây trồng, vật nuôi thực hiện theo quy định của Luật Ngân sách Nhà nước hiện hành.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực từ ngày ký.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các Sở; Thủ trưởng các ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Ban chỉ đạo CTMTQG XD NTMTW (b/c);
- VP Điều phối TW (b/c);
- TT Tỉnh ủy (b/c);
- TT. HĐND tỉnh (b/c);
- CT UBND tỉnh (b/c);
- Các PCT UBND tỉnh;
- Các Thành viên BCĐ XD NTM Khánh Hòa;
- VP Điều phối CT XD NTM Khánh Hòa;
- LĐVP (a Bông, a Quán);
- TT Công báo;
- Lưu: VT, HP, HB, Hle.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Lê Đức Vinh